

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 162/QĐ-HĐQT.11

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH**

V/v: Ban hành Quy chế Quản trị Doanh nghiệp

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

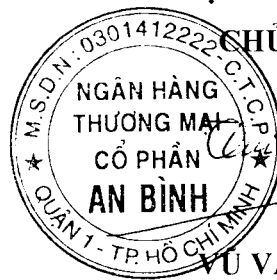
- Căn cứ Nghị định 59/2009/NĐ-CP về Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình;
- Căn cứ Quy chế hoạt động và Quyền hạn của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 22/09/2011;
- Căn cứ tình hình thực tiễn;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành Quy chế Quản trị Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP An Bình (Quy chế đính kèm).
- Điều 2:** Hội đồng Quản trị, Bộ phận Quản trị Ngân hàng và Hỗ trợ, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2011. *run*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VP.



QUY CHẾ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG AN BÌNH

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, NHỮNG TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU VÀ CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG AN BÌNH (ABBANK)

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, NHỮNG TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU VÀ CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ

Nguyên tắc số 1: Đứng đầu Ngân hàng là Hội đồng quản trị, là một cơ quan hoạt động có hiệu quả, đảm trách những trách nhiệm cụ thể. Tầm nhìn, chiến lược và các giá trị doanh nghiệp của Ngân hàng phải được quy định và nắm rõ.

Nguyên tắc số 2: Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có cơ cấu hoạt động hiệu quả, có khả năng hoạt động độc lập vững mạnh, trong đó không một cá nhân hay nhóm ít người nào được phép chi phối quá trình đưa ra quyết định của Hội đồng.

Nguyên tắc số 3: Phải có sự phân chia rõ ràng về trách nhiệm ở cương vị lãnh đạo, giúp đảm bảo các giới hạn rõ ràng và cân đối về vai trò, nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm trên toàn hệ thống ngân hàng.

Nguyên tắc số 4: Có quy trình chính thức và minh bạch trong việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng Giám đốc (TGD)/Giám đốc điều hành.

Nguyên tắc số 5: Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có năng lực, có uy tín và chính trực, có những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết, đồng thời có thể dành thời gian và tận tụy với công việc.

Nguyên tắc số 6: Hội đồng quản trị phải tổ chức họp định kỳ và phải được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

Nguyên tắc số 7: Phải có sự đánh giá chính thức và liên tục về tính hiệu quả của Hội đồng nói chung và của các thành viên HĐQT cũng như của TGD/Giám đốc điều hành nói riêng

Nguyên tắc số 8: Có quy trình chính thức và minh bạch trong việc ấn định mức thù lao cho các thành viên của Hội đồng, TGD/Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý cấp cao, đồng thời các chính sách và quy định về lương bổng phải phù hợp với giá trị đạo đức, mục tiêu và văn hoá của ngân hàng.

Nguyên tắc số 9: Những người được trao thẩm quyền ra quyết định (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị) cần phải chú ý tránh những tình huống có thể gây ra xung đột lợi ích.

Nguyên tắc số 10: Có sự phân biệt rõ ràng giữa cổ đông và cán bộ quản lý nhằm làm cho chính sách điều hành doanh nghiệp hợp lý.

Nguyên tắc số 11: Đưa ra yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm toán và kiểm toán viên, Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cần duy trì mối quan hệ chuyên nghiệp và khách quan.

Nguyên tắc số 12: Ngân hàng cam kết giữ mối quan hệ thường xuyên, hiệu quả và công bằng với các cổ đông/người có quyền lợi

Nguyên tắc số 13: Ngân hàng thực hiện hoạt động điều hành doanh nghiệp một cách minh bạch nhằm củng cố tính hợp lý của quản trị doanh nghiệp.

Nguyên tắc số 14: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với tính chính xác của những thông tin được tiết lộ và hoạt động quản lý rủi ro.

1. TỔNG QUÁT VÀ MỤC TIÊU CỦA CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mục tiêu cơ bản của nguyên tắc này là giúp ngân hàng thúc đẩy việc áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp hiệu quả và có tiêu chuẩn cao.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1.01 Việc áp dụng những chuẩn mực và tập quán quản trị doanh nghiệp hợp lý đảm bảo cho ngân hàng được quản lý một cách an toàn và phù hợp, trong đó những hoạt động mang tính rủi ro và sự an toàn trong hoạt động kinh doanh được cân bằng một cách thoả đáng nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông và bảo vệ quyền lợi của tất cả những người có liên quan. Trong một môi trường tự do hoá và có tính cạnh tranh cao mà cán bộ quản lý phải chịu áp lực liên tục để đạt được kết quả theo yêu cầu, thì chính sách quản trị doanh nghiệp vững chắc trở thành những biện pháp bảo vệ an toàn mang tính quyết định giúp doanh nghiệp ngăn chặn tất cả những hành vi gian lận và quản lý sai lạc. Sách lược quản trị doanh nghiệp hiệu quả giúp nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp là những yếu tố then chốt trong việc vận hành sự minh bạch và nguyên tắc của thị trường.

1.02 Quản trị doanh nghiệp được định nghĩa là quy trình và cấu trúc sử dụng để chỉ đạo và quản lý hoạt động kinh doanh và các công việc của tổ chức theo hướng đẩy mạnh kinh doanh và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp với mục tiêu hàng đầu là thực hiện giá trị dài hạn của cổ đông, đồng thời có tính đến lợi ích của những người có quyền lợi khác. Định nghĩa này bao hàm một tập hợp các mối quan hệ giữa cán bộ quản lý của ngân hàng, Hội đồng quản trị, cổ đông và những người có quyền lợi khác. Quản trị doanh nghiệp là nói đến cách thức trong đó hoạt động kinh doanh và công việc khác của ngân hàng được Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao của ngân hàng điều hành, và tác động tới cách thức Ngân hàng:

1. Đưa ra các mục tiêu của doanh nghiệp mình, bao gồm cả mục tiêu tạo ra lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu;
2. Điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày;
3. Xem xét lợi ích của những người có quyền lợi được ghi nhận;
4. Sắp xếp các hành vi và hoạt động của doanh nghiệp với kỳ vọng rằng tổ chức sẽ hoạt động một cách an toàn và hợp lý, và tuân thủ đúng quy định của pháp luật liên quan; và
5. Bảo vệ quyền lợi của những người gửi tiền.

PHÙ HỢP VỚI CÁC QUY CHUẨN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁC

1.03 Các nguyên tắc, tiêu chuẩn và yêu cầu chung theo bộ Nguyên tắc này phù hợp với những nguyên tắc được đánh giá cao trong:

1. Nguyên tắc BIS trong việc “Tăng cường quản trị doanh nghiệp dành cho các Tổ chức ngân hàng”; và

2. Luật Doanh nghiệp
3. Luật Chùng khoán
4. Luật các tổ chức tín dụng
5. Quyết định của Bộ Tài chính số 12-2007 ngày 13/03/2007 về việc ban hành quy chế quản trị công ty
6. Quyết định của Bộ Tài chính số 15-2007 ngày 19/03/2007 về việc ban hành điều lệ mẫu áp dụng chung cho các công ty
7. Các thông lệ quốc tế khác về quản trị doanh nghiệp.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

1.04 Bộ Nguyên tắc này được thành lập trên cơ sở những khái niệm cơ bản về nhiệm vụ, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch, trong đó chủ yếu nhấn mạnh vai trò của Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý. Bộ Nguyên tắc chú trọng đến những nguyên tắc quản trị doanh nghiệp được chuyển thể thành những chuẩn mực tối thiểu và yêu cầu cụ thể.

Bộ Nguyên tắc này bao gồm các nguyên tắc chung liên quan đến:

1. Những vấn đề chung;
2. Giám sát quản lý;
3. Trách nhiệm giải trình và công tác kiểm toán; và
4. Tính minh bạch.

PHẠM VI ÁP DỤNG

1.05 Bộ Nguyên tắc này được áp dụng cho các yêu cầu cụ thể dưới đây:

1. Yêu cầu đối với các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (định nghĩa, trách nhiệm, thành phần, từ chức và bãi miễn đối với các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị); và
2. Bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc (yêu cầu về sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), sự tách bạch giữa vai trò của Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị, thủ tục bổ nhiệm, những tiêu chí phù hợp và nhiệm kỳ làm việc.

YÊU CẦU VỀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

1.06 Ngân hàng cần phải:

1. Tuân thủ và tôn trọng Bộ nguyên tắc này; và
2. Trình bày trong bản báo cáo thường niên tất cả những hành vi vi phạm những Nguyên tắc này và đưa ra giải trình cũng như các biện pháp thay thế đã thực hiện để tuân thủ theo đúng những Nguyên tắc này.

II. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, NHỮNG TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU VÀ CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ

Nguyên tắc số 1: Đứng đầu Ngân hàng là Hội đồng quản trị, là một cơ quan có hoạt động hiệu quả, đảm trách những trách nhiệm cụ thể. Tầm nhìn, chiến lược và các giá trị doanh nghiệp của Ngân hàng phải được quy định và nắm rõ.

2.01 Hội đồng quản trị đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo tính hợp lý và thận trọng trong các chính sách và quy tắc của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện vai trò giám sát một cách có hiệu quả và phải hiểu rõ toàn bộ trách nhiệm của mình đối với những người có quyền lợi liên quan, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị không chịu trách nhiệm giám sát hoạt động hàng ngày của ngân hàng, nhưng có trách nhiệm đưa ra cơ chế kiểm tra hiệu quả và cân bằng cho toàn bộ hệ thống quản lý của ngân hàng.

2.02 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm then chốt trong việc quyết định những vị trí quản lý trong ngân hàng ngoại trừ các quyết định thuộc Đại hội cổ đông. Hội đồng cũng có trách nhiệm đảm bảo tối đa hoá giá trị của các cổ đông và bảo vệ quyền lợi của những người có liên quan. Điều này được thực hiện thông qua hoạt động giám sát nghiêm ngặt và mẫn cán đối với các công việc của ngân hàng, trong đó, xác định giá trị doanh nghiệp, tầm nhìn và chiến lược giúp điều hành hoạt động của ngân hàng và nắm rõ các loại hình hoạt động tài chính cơ bản mà ngân hàng dự định theo đuổi.

2.03 Hội đồng quản trị có trách nhiệm ủy thác trong việc thực thi lợi ích tốt nhất của ngân hàng và bảo vệ ngân hàng khỏi những hành vi sai trái hoặc ảnh hưởng của những cổ đông có quyền chi phối hoặc kiểm soát có thể gây thiệt hại hoặc không vì mục đích đem lại lợi ích tốt nhất cho ngân hàng và các cổ đông cũng như những người có quyền lợi liên quan khác.

TIÊU CHUẨN CHUNG

2.04 Hội đồng quản trị có trách nhiệm đưa ra chính sách chính thức quy định về tiêu chuẩn chung đối với các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý cấp cao nhưng phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời giám sát việc tuân thủ những tiêu chuẩn này trên cơ sở liên tục. Những tiêu chuẩn này tối thiểu phải thoả mãn yêu cầu về tiêu chuẩn chung theo quy định tại Bộ Nguyên tắc này. Khi quyết định xem một cá nhân có tiêu chuẩn chung để nắm giữ vị trí là thành viên Hội đồng quản trị hay Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành hay không, cần phải xem xét các yếu tố sau:

1. Sự siêng năng, năng lực và tính hợp lý trong phán quyết của người đó;
2. Danh tiếng, tính cách, tính liêm – khiết (bao gồm cả sự liêm khiết về tài chính) và tính trung thực;
3. Lý lịch tư pháp của người đó liên quan đến gian lận, không trung thực và bạo lực;
4. Xác định xem người đó có liên quan đến những hoạt động kinh doanh lừa đảo, đàn áp hay hoạt động trái phép hay không hoặc bất kỳ hoạt động nào làm cho người đó bị mất uy tín;
5. Xác định xem người đó có liên quan đến, có tham gia hay tự mình thực hiện theo cách thức có thể dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng phù hợp, năng lực hay tính hợp lý trong việc đưa ra phán quyết;

6. Xác định xem người đó có vi phạm bất kỳ quy định nào của bất kỳ luật pháp thành văn nào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra nhằm bảo vệ các thành viên khỏi những mất mát về tài chính do sự không trung thực, không đủ năng lực hay hành vi phạm pháp; và
7. Xác định xem người đó đã từng bị tuyên bố phá sản hay chưa.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể quy định các tiêu chuẩn khác khi cần thiết.

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.05 Không thuộc đối tượng sau:

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm Ban Quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng vì:
 - a. Trường hợp ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc nếu xét thấy cần thiết.

- b. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc ngân hàng vi phạm quy định như bên dưới, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu thuộc các trường hợp sau:
- i. Thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng:
 - Đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng đó;
 - Đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng đồng thời là người điều hành của ngân hàng đó; đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của ngân hàng.
 - ii. Thành viên Ban Kiểm soát:
 - Đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của ngân hàng hoặc công ty con của ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.
 - iii. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty con của ngân hàng; đồng thời là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
- c. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.
- d. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của ngân hàng hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
11. Hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
12. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của ngân hàng.
13. Không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng đó;

14. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của HĐQT mà mình đang là thành viên hoặc tổ chức đó là công ty con của ngân hàng;
15. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành của ngân hàng đó; không được đồng thời là thành viên HĐQT, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của ngân hàng.

CÓ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

2.06 Có đầy đủ các đạo đức nghề nghiệp như sau:

1. Công khai các lợi ích có liên quan:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và người có liên quan (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5 % vốn điều lệ trở lên.
 - ii. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ và những người có liên quan của họ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) đang là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc.
 - b. Việc kê khai quy định tại khoản i Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với ngân hàng trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 - c. Việc kê khai quy định tại khoản i và khoản ii Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ngân hàng.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của ngân hàng.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, và vì lợi ích tốt nhất của ngân hàng.
4. Trung thành với lợi ích của ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng.
5. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác có thể phát sinh xung đột lợi ích và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
6. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ngân hàng.
7. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc các bên liên quan của mình như bên dưới đây vay vốn ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của ngân hàng:
 - a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;
 - b. Công ty và người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc với người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - c. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty đó và ngược lại;
 - d. Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột;
 - e. Công ty và người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm d khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại;
8. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này và người ủy quyền.
9. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.
10. Các nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ Ngân hàng.

HIỂU BIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

2.07 Hiểu biết về hoạt động ngân hàng thỏa các yêu cầu sau:

1. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế hoặc luật; hoặc
2. Có ít nhất 03 năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc

3. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.

YÊU CẦU VỀ ĐÀO TẠO

2.08 Ngân hàng phải triển khai các chương trình giáo dục và định hướng nội bộ cho những thành viên Hội đồng quản trị mới được bổ nhiệm để họ làm quen với ngành nghề hoạt động và ngân hàng trong thời hạn 3 tháng sau khi bổ nhiệm. Chương trình này tối thiểu phải đề cập đến tính chất của hoạt động kinh doanh, chiến lược của ngân hàng, trách nhiệm và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nói chung, tổng quát về rủi ro trong kinh doanh, chiến lược quản lý rủi ro của ngân hàng, yêu cầu pháp lý và tổng quan tình hình tài chính của ngân hàng.

2.09 Ngân hàng phải bảo đảm đầy mạnh các chương trình đào tạo có cơ cấu rõ ràng cho các thành viên Hội đồng quản trị để họ có thể hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình. Ủy ban Bổ nhiệm nhân sự phải bảo đảm rằng tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải được đào tạo liên tục để kịp thời cập nhật những phát triển mới nhất trong ngành ngân hàng, đặc biệt là những quy định, luật pháp mới có liên quan và những nhân tố rủi ro thay đổi trong từng thời kỳ.

CÁC CHỨC DANH GIÁM ĐỐC MÀ TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐẢM NHIỆM

2.10 Tổng giám đốc không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó công ty con của ngân hàng, không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

CÁC CHỨC DANH GIÁM ĐỐC MÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG PHẢI LÀ TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐẢM TRÁCH

2.11 Để đảm bảo dành toàn tâm và toàn thời gian cho công việc của ngân hàng, Hội đồng quản trị phải xác định giới hạn hợp lý về những chức danh giám đốc mà các thành viên Hội đồng quản trị có thể đảm trách.

2.12 Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng đó; Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị mà mình đang là thành viên hoặc tổ chức đó là công ty con của ngân hàng; Chủ tịch HĐQT của ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của ngân hàng đó, không được đồng thời là thành viên HĐQT, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của ngân hàng.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGHĨA VỤ PHÁP LÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.13 Nhiệm vụ chung của thành viên Hội đồng quản trị đối với ngân hàng bao gồm:

1. Hiểu rõ môi trường hoạt động của ngân hàng và đẩy mạnh sự an toàn và hoạt động lành mạnh của ngân hàng;

2. Minh bạch trong việc thực hiện nhiệm vụ và tránh để xảy ra xung đột về lợi ích;
3. Có khả năng thực thi quyền phán quyết độc lập trong việc ra quyết định và đưa ra lời khuyên hợp lý và khách quan;
4. Hiểu rõ vai trò giám sát của mình và phải trung thành với ngân hàng, cổ đông và những người có quyền lợi khác của ngân hàng;
5. Chất vấn cán bộ quản lý một cách khách quan;
6. Dành toàn tâm, toàn ý cho việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả; và
7. Đóng góp tích cực vào chức năng của Hội đồng quản trị và có khả năng đưa ra ý kiến chuyên môn đặc biệt cho hội đồng.
8. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng.
9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ngân hàng.
10. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính.
11. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
12. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường nếu thuộc 1 trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc Ban Kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Có đề nghị của thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu trên 25% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ ngân hàng quy định;
 - d. Có đề nghị của các thành viên thiểu số còn lại trong trường hợp ngân hàng có một thành viên sở hữu trên 75% vốn điều lệ và Điều lệ ngân hàng không quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn;
 - e. Các trường hợp khác do Điều lệ ngân hàng quy định.
13. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại mục a, b, c, d và e như trên.
14. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại mục a,b,c,d và e như trên, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
15. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

16. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

2.14 In addition, directors should also be aware of their responsibilities and liabilities and other applicable laws, guidelines and regulations.

2.14 Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị cũng cần hiểu rõ nhiệm vụ, trách nhiệm pháp lý và các nguyên tắc, quy định khác của luật pháp.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.15 Thành viên Hội đồng quản trị hiểu và đề cao vai trò cũng như trách nhiệm của mình. Điều này có ý nghĩa như một cơ chế kiểm soát quan trọng nhằm đảm bảo rằng Hội đồng quản trị thực hiện chức năng của mình một cách khách quan, độc lập và hiệu quả.

NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.16 Hội đồng quản trị có những nhiệm vụ chính như sau:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.
 - a. Ngân hàng đặt ra mục tiêu chiến lược rõ ràng, trong đó có đề cập đến mức độ rủi ro có thể chấp nhận và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng, đồng thời đặt ra chiến lược kinh doanh cũng như các kế hoạch để đạt được mục tiêu chiến lược đó. Hội đồng thông qua những mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh, và đảm bảo thường xuyên đánh giá và giám sát việc thực hiện các kế hoạch đó. Ngoài ra, Hội đồng còn lập ra những chỉ số đánh giá kết quả chủ yếu (KPIs) để xác định, đánh giá và giám sát việc thực hiện và tiến trình thực hiện để đạt được mục tiêu của tổ chức. Các chỉ số KPIs được lập ra phản ánh mục tiêu của ngân hàng, chúng có thể đánh giá được và cho phép thực hiện các hành động hiệu chỉnh nếu có sai sót. Chỉ tiêu KPIs này bổ sung cho các mục tiêu kinh doanh tổng thể, liên quan đến những hoạt động chủ chốt của ngân hàng và các mục tiêu này được cân bằng giữa những mục tiêu và chiến lược ngắn hạn và dài hạn.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, sở giao dịch, chi nhánh, ngân hàng trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Quyết định việc mở Sở Giao dịch, chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ

các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của đại hội cổ đông.

8. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
9. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
10. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của ngân hàng theo quy định của pháp luật.
11. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
12. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
13. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản ngân hàng.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ngân hàng.
16. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng
 - a. Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - b. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 92 Luật Doanh nghiệp. Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản phải trả khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ngân hàng.
17. Trình báo cáo tài chính đã kiểm toán hàng năm lên Đại hội cổ đông.
18. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm o khoản 1 Điều 31 của điều lệ ngân hàng.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

21. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
22. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
23. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
24. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ ngân hàng.
25. Xây dựng giá trị doanh nghiệp và các giới hạn rõ ràng về nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình được truyền đạt trên toàn bộ hệ thống ngân hàng
 - a. Hội đồng quản trị xây dựng “bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp” nhằm tạo dựng văn hoá về chuẩn mực đạo đức, tính chính trực và quy tắc nghề nghiệp, đồng thời phê chuẩn các giá trị doanh nghiệp của chính đơn vị mình, các cán bộ quản lý cấp cao và các nhân viên khác, và các giới hạn rõ ràng về những nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình được phổ biến trên toàn hệ thống của tổ chức. Việc thực hiện nhất quán những chuẩn mực đạo đức này sẽ mang lại lợi ích cho ngân hàng, vì những quy tắc này sẽ giúp nâng cao độ tin cậy và uy tín trong hoạt động hàng ngày cũng như dài hạn của ngân hàng.
 - b. Đảm bảo năng lực quản lý:
 - i. Hội đồng quản trị cần bảo đảm hội đồng có một quy trình hiệu quả và được quản lý để lựa chọn và bổ nhiệm những cán bộ quản lý cấp cao nòng cốt có đủ bằng cấp, trình độ chuyên môn và năng lực để quản lý công việc của ngân hàng (trừ những chức danh thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông), thông qua chính sách về việc lập kế hoạch kế thừa và giám sát một cách hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao trên cơ sở liên tục.
 - ii. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh đặc biệt khác hoặc bổ nhiệm các chuyên gia theo yêu cầu của ngân hàng sẽ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
26. Đảm bảo rằng hoạt động của ngân hàng được tiến hành một cách thận trọng, và trong phạm vi khung pháp lý và chính sách liên quan
 - a. Trong khi các cán bộ quản lý có trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của ngân hàng, Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng hoạt động hiệu quả và rằng hoạt động của ngân hàng được kiểm soát một cách hợp lý. Hội đồng quản trị cần tận dụng các kiểm toán viên độc lập cũng như nội bộ trong việc đánh giá mức độ hợp lý của các hoạt động kiểm soát nội bộ. Ngân hàng duy trì chức năng tuân thủ hiệu quả trong việc giám sát việc tuân thủ hàng ngày đối với những chính sách mà Hội đồng quản trị đã thông qua và những quy định của luật pháp có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị cần nắm rõ các luật pháp, quy chế và những hướng dẫn liên quan, đồng thời chú ý giám sát để tránh trường hợp vi phạm những quy định trên đây; Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông

27. Đảm bảo rằng ngân hàng xây dựng chính sách, quy trình và cơ sở hạ tầng cho việc quản lý rủi ro toàn diện nhằm quản lý được các loại rủi ro khác nhau
- a. Hội đồng quản trị phải có kiến thức vững chắc về môi trường hoạt động kinh doanh của ngân hàng và những rủi ro liên quan. Ngân hàng phải có sẵn các chính sách, quy trình và cơ sở hạ tầng quản lý rủi ro toàn diện và hiệu quả nhằm phát hiện, đánh giá, giám sát và kiểm soát các loại rủi ro khác nhau để ngân hàng thực hiện. Hội đồng quản trị thông qua và định kỳ đánh giá lại khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng nhằm bảo đảm có đủ khả năng hỗ trợ việc mở rộng kinh doanh của ngân hàng. Đồng thời, Hội đồng quản trị phải đảm bảo có hệ thống thông tin quản lý đầy đủ và đáng tin cậy giúp bao quát toàn bộ hoạt động của ngân hàng.
28. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
29. Xây dựng thủ tục để tránh những hành vi tự ý và các xung đột về lợi ích, bao gồm cả những mối quan hệ dưới bất cứ hình thức nào với các đơn vị liên quan:
- a. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của ngân hàng trên cơ sở đảm bảo các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - i. Quyết định các hợp đồng giao dịch của ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý
 - b. Quyết định các hợp đồng giao dịch của ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các Luật này với công ty con, công ty liên kết của ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ cụ thể khác nhỏ hơn do Điều lệ ngân hàng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
 - c. Hội đồng quản trị xây dựng chính sách và thủ tục điều chỉnh các giao dịch liên quan và những trường hợp xung đột về lợi ích. Các thành viên Hội đồng quản trị phải công khai quyền lợi kinh doanh khác của mình. Hội đồng quản trị cũng phải đảm bảo rằng các cán bộ quản lý cấp cao thực hiện chính sách nhằm ngăn chặn những hoạt động và những mối quan hệ gây ảnh hưởng không tốt đến chất lượng quản trị doanh nghiệp, chẳng hạn như các trường hợp xung đột lợi ích, tham ô và hối lộ, đồng thời đối xử ưu đãi đối với các bên liên quan và các đối tượng được ưu đãi khác. Hội đồng quản trị đã thông qua bộ giá trị đạo đức doanh nghiệp, thường được gọi là những quy tắc hành vi được phổ biến trên toàn hệ thống của ngân hàng. Những giá trị này nhấn mạnh tầm quan trọng của trách nhiệm giải trình, trình độ nghiệp vụ và tính chính trực trên toàn ngân hàng.

- d. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc và Tổng giám đốc phải kê khai các lợi ích liên quan của họ trong ngân hàng, bao gồm:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - ii. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
 - iii. Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với ngân hàng trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 - iv. Việc kê khai phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
 - v. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về sở hữu của ngân hàng.

30. Đảm bảo rằng ngân hàng mang lại được lợi ích kinh tế cho tập thể ngân hàng của mình

- a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm liên tục với ngân hàng trong việc đảm bảo rằng hoạt động của ngân hàng có mục đích nâng cao lợi ích kinh tế cho tập thể ngân hàng và phù hợp với mục tiêu kinh tế của chính phủ

CHỨC NĂNG BÁO CÁO

2.17 Đối với chức năng báo cáo, Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý của ngân hàng đảm bảo rằng các cơ cấu và cấu trúc quản lý nghiệp vụ kinh doanh này phải phù hợp với trách nhiệm quản trị doanh nghiệp. Hội đồng quản trị phải đảm bảo:

1. Tích cực giám sát đối với toàn bộ hoạt động và tình hình thực hiện của ngân hàng; và
2. Các cán bộ quản lý luôn phải có trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.18 Hội đồng quản trị thành lập các uỷ ban chuyên môn để giám sát những lĩnh vực chức năng quan trọng và tập trung vào những vấn đề cần đánh giá chi tiết hoặc cân nhắc kỹ lưỡng. Mặc dù

Hội đồng có thể giao phó một số nhiệm vụ nhất định cho các uỷ ban, nhưng Hội đồng vẫn phải có trách nhiệm đối với những quyết định của các uỷ ban này.

2.19 Hội đồng quản trị phải thành lập các uỷ ban sau đây:

1. Uỷ ban về vấn đề nhân sự

2. Uỷ ban Quản lý rủi ro

Nguyên tắc số 2: Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có cơ cấu hoạt động hiệu quả, có khả năng hoạt động độc lập vững mạnh, trong đó không một cá nhân hay nhóm ít người nào được phép chi phối quá trình đưa ra quyết định của hội đồng.

1. Tối thiểu một nửa tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó tối thiểu 01 thành viên độc lập.
2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ ngân hàng quy định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị (quy định này chỉ áp dụng đối với ngân hàng thương mại cổ phần).
4. Số thành viên Hội đồng quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ ngân hàng hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.20 Số thành viên HĐQT đủ để cấu thành Hội đồng quản trị là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định tính hiệu quả của Hội đồng để chỉ đạo và hướng dẫn cán bộ quản lý của ngân hàng và trong việc thực hiện vai trò giám sát của mình một cách có hiệu quả. Để đạt được hiệu quả, Hội đồng phải có số lượng thành viên hợp lý tương xứng với mức độ phức tạp, quy mô, phạm vi và hoạt động của ngân hàng. Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên với tư cách là một tập thể cần phải có những năng lực nòng cốt như về tài chính, kế toán, luật pháp, quản trị kinh doanh,

công nghệ thông tin và quản lý đầu tư. HĐQT có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên.

2.21 Hội đồng quyết định quy mô hợp lý của mình và trong quá trình xác định quy mô cần xem xét đến hiệu lực và hiệu quả trong quản lý của hội đồng.

2.22 Việc tham gia của các thành viên HĐQT không điều hành giúp cho việc đánh giá các vấn đề được cân bằng và khách quan, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình đưa ra quyết định. Do vậy, nếu HĐQT có tỷ lệ các thành viên không điều hành cao hơn có thể giúp giảm bớt những xung đột về lợi ích có thể xảy ra giữa quá trình lập chính sách và việc quản lý hoạt động hàng ngày của ngân hàng.

2.23 Sự hiện diện của những thành viên HĐQT độc lập đủ tiêu chuẩn một cách hợp lý đã được qui định tại khoản 2.20 có thể giúp thực hiện những đợt kiểm tra, cân đối cần thiết trong việc bảo đảm ngân hàng hoạt động một cách hợp lý và an toàn. Những thành viên này có thể vận dụng những phương pháp mới từ các doanh nghiệp khác giúp nâng cao hiệu quả trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

PHÂN LOẠI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

2.24 Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với mục 2.04, 2.05, 2.06, 2.07, 2.08, 2.09, 2.10, 2.11, 2.12, 2.13, 2.14, 2.15, 2.16, 2.17 và các quy định khác của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ cho Tổng giám đốc.
4. TGD có các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:
 - a. Thuộc tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị qui định tại mục 2.05
 - b. Không thuộc các đối tượng sau:
 - i. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
 - iii. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- v. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
 - vi. Bố mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc không được là Kế toán trưởng của ngân hàng;
 - vii. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
- c. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại mục 2.06;
 - d. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
 - i. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về 1 trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật-và có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc, (Phó giám đốc), của doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
 - e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
5. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a. Không thuộc đối tượng quy định tại mục 2.05;
 - b. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2.25 Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: không phải là một nhân viên của ngân hàng và không nằm trong biên chế của ngân hàng. Thành viên này không tham gia quản lý hoạt động hàng ngày của ngân hàng.

2.26 Thành viên HĐQT độc lập: không phụ thuộc vào cán bộ quản lý và không liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh hay mối quan hệ nào có thể gây cản trở cho việc thực thi quyền phán quyết độc lập hoặc khả năng hành động vì quyền lợi tốt nhất của ngân hàng. Thành viên này không được:

1. Là người đang làm việc cho ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của ngân hàng hoặc đã làm việc cho ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kể trước đó.
2. Là người đang hưởng lương và thù lao thường xuyên, phụ cấp khác của ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.
3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đó và vợ, chồng của những người này không thuộc một trong các trường hợp sau: sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với ngân hàng thương mại cổ phần; là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng hoặc công ty con của ngân hàng.

4. Là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó; không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với ngân hàng thương mại cổ phần.
5. Cùng người có liên quan như qui định bên dưới sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng thương mại cổ phần:
 - a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;
 - b. Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - c. Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên tại công ty đó và ngược lại;
 - d. Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;
 - e. Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm d khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này đối với người ủy quyền.

2.27 Hàng năm, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT (trong đó có cả thành viên HĐQT độc lập) thuộc trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TỐI THIỂU

2.28 **Tối thiểu một nửa trong tổng số thành viên HĐQT là người không điều hành, trong đó tối thiểu là 01 thành viên độc lập.** Tất cả các trường hợp từ chức và cách chức thành viên quản trị độc lập của Hội đồng quản trị chỉ được xem là có giá trị sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và đáp ứng điều kiện trong phần 2.29

2.29 **Mọi việc từ chức hoặc xóa tên** các thành viên độc lập ra khỏi HĐQT chỉ có hiệu lực sau khi HĐQT tương ứng đệ trình, được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y và sau đó là chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP

2.30 Thành viên độc lập phải bảo đảm tốt yếu tố độc lập đối với Hội đồng quản trị, kể cả trong suy nghĩ cũng như hành động.

2.31 Những đóng góp hiệu quả của các Thành viên độc lập sẽ giúp nâng cao tính trách nhiệm trong quá trình đưa ra quyết định của Hội đồng. **Thành viên độc lập có những trách nhiệm sau:**

1. Quy định và nâng cao tính độc lập cần thiết và tính khách quan cho Hội đồng quản trị;

2. Bảo đảm kiểm tra và cân đối hiệu quả đối với Hội đồng quản trị;
3. Giảm bớt những xung đột về lợi ích có thể xảy ra giữa quá trình lập chính sách và công tác quản lý hàng ngày của ngân hàng;
4. Có tinh thần xây dựng và góp phần phát huy chiến lược và định hướng kinh doanh của ngân hàng; và
5. Đảm bảo luôn luôn có đầy đủ hệ thống và kiểm soát nhằm bảo vệ lợi ích cho ngân hàng.

2.32 Ngoài những quyền lợi mà các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng, Thành viên quản trị độc lập còn có thể yêu cầu ghi vào biên bản những ý kiến, nhận xét và quan điểm của họ để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả.

2.33 Với việc trách nhiệm và kỳ vọng ngày càng cao đối với các Thành viên quản trị độc lập, họ phải được hưởng thù lao tương xứng với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và trách nhiệm mà họ đảm nhiệm cũng như đóng góp vào hoạt động hiệu quả của Hội đồng.

Nguyên tắc số 3: Phải có sự phân chia rõ ràng về trách nhiệm ở cương vị lãnh đạo, giúp đảm bảo các giới hạn rõ ràng và cân đối về vai trò, nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm trên toàn hệ thống ngân hàng.

2.34 Ngân hàng phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với bộ quản trị doanh nghiệp này và các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

2.35 Cơ cấu tổ chức của ngân hàng bao gồm bốn hình thức giám sát quan trọng nhằm bảo đảm kiểm tra và cân đối hợp lý:

1. Sự giám sát của Hội đồng quản trị
2. Sự giám sát của các cá nhân không tham gia quản lý hoạt động hàng ngày của các lĩnh vực kinh doanh khác nhau;
3. Phạm vi giám sát trực tiếp đối với các lĩnh vực kinh doanh khác nhau; và
4. Quản lý rủi ro độc lập, tuân thủ và các chức năng kiểm toán.

2.36 Ban lãnh đạo cấp cao bao gồm một nhóm cá nhân nòng cốt chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày và đóng góp một phần quan trọng vào công tác điều hành doanh nghiệp hợp lý của ngân hàng. Ban lãnh đạo cấp cao có trách nhiệm phân công trách nhiệm cho nhân viên, xây dựng cấu trúc quản lý giúp nâng cao tính trách nhiệm và giám sát các giám đốc và cán bộ nghiệp vụ thực hiện chức năng của mình trong từng lĩnh vực và hoạt động kinh doanh nhất định phù hợp với các chính sách và thủ tục do Hội đồng quản trị lập ra. Các cán bộ quản lý cấp cao phải có những kỹ năng, kiến thức và trình độ chuyên môn cần thiết để quản lý công việc kinh doanh trong phạm vi giám sát của mình, đồng thời họ phải chịu trách nhiệm đầu tiên trước Hội đồng về tình hình hoạt động của ngân hàng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

2.37 Có sự tách bạch rõ ràng giữa vai trò của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được mô tả. Chủ tịch Hội đồng quản trị có tư cách là một thành viên không liên quan đến hoạt động điều hành của ngân hàng. Với tư cách là một ủy viên quản trị không điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị đóng một vai trò tối quan trọng trong việc khuyến khích hoạt động tranh luận lành mạnh về các vấn đề và đề xuất với Hội đồng quản trị ở một mức độ hoài nghi hợp lý và độc lập. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành cần được xác định rõ ràng.

VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.38 Vai trò chủ yếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là bảo đảm:

1. Việc thực hiện chức năng, cơ cấu điều hành của hội đồng được thuận lợi, và đồng thời khắc sâu nét văn hóa làm việc trong Hội đồng;
2. Có sẵn những nguyên tắc chỉ đạo và thủ tục để điều hành hoạt động và hành vi của Hội đồng;
3. Tất cả những vấn đề liên quan được đưa vào chương trình nghị sự cho cuộc họp của Hội đồng và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có thể tham gia đầy đủ trong các hoạt động của Hội đồng;
4. Hội đồng thảo luận các vấn đề quan trọng và mang tính chiến lược;
5. Hội đồng kịp thời nhận được những thông tin cần thiết từ cán bộ quản lý;
6. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có được phương pháp tiếp cận để tham gia một cách cởi mở vào các buổi thảo luận; và
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lãnh đạo Hội đồng và chịu trách nhiệm đối với các nhu cầu phát triển của Hội đồng.
8. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
9. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
10. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
11. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
12. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng.
14. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ ngân hàng. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

15. Đảm bảo tất cả các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian để thảo luận tất cả các vấn đề cần xem xét bởi Hội đồng quản trị.
16. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
17. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
18. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

VAI TRÒ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

2.39 Vai trò chủ yếu của Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành bao gồm:

1. Triển khai các định hướng chiến lược của ngân hàng;
2. Bảo đảm rằng các chiến lược và chính sách doanh nghiệp của ngân hàng được thực hiện một cách có hiệu quả;
3. Có đường lối lãnh đạo cứng rắn giúp truyền đạt một cách hiệu quả tầm nhìn, triết lý về quản lý và chiến lược kinh doanh tới các nhân viên;
4. Thông báo đầy đủ cho Hội đồng quản trị về tất cả những lĩnh vực quan trọng về hoạt động của ngân hàng và bảo đảm thông báo đầy đủ tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị; và
5. Bảo đảm công việc kinh doanh hàng ngày của các phòng/ban được quản lý hiệu quả.
6. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng
7. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị;
8. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
9. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của ngân hàng;
10. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ ngân hàng;
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị;
12. Ký kết hợp đồng nhân danh ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của ngân hàng.
13. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong ngân hàng kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
14. Tuyển dụng lao động;
15. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng và quyết định của Hội đồng quản trị.
17. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng, hợp đồng lao động ký với ngân hàng và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho ngân hàng thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho ngân hàng.
18. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
19. Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
20. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
21. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.
22. Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng trình hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
23. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo qui định tại khoản 12 mục 2.13.

Nguyên tắc số 4: Có quy trình chính thức và minh bạch trong việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng Giám đốc (TGD)/Giám đốc điều hành

YÊU CẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

2.40 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành cần phải được sự nhất trí trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BỔ NHIỆM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.41 Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y (trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm). Ngân hàng Nhà nước quy định về thủ tục, hồ sơ đề nghị chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm các chức danh này.

TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

2.42 Hiệu quả hoạt động của ngân hàng phụ thuộc rất nhiều vào Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của ngân hàng đó. Vì vậy, Tổng Giám đốc phải dành toàn tâm, toàn thời gian của mình để có thể thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả và khẩn cấp.

2.43 Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành có trách nhiệm quản lý hoạt động hàng ngày của ngân hàng. TGD/Giám đốc điều hành phải nắm rõ các hoạt động của ngân hàng, tình trạng hoạt động kiểm soát nội bộ, các yêu cầu của luật pháp, cũng như những vấn đề hiện tại và các chính sách ảnh hưởng tới ngành nói chung. Đồng thời, TGD/Giám đốc điều hành phải có kiến thức và khả năng chuyên môn cần thiết trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

THỦ TỤC BỔ NHIỆM

2.44 Việc xây dựng một quy trình minh bạch và rõ ràng về bổ nhiệm Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành và các thành viên hội đồng quản trị có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ tính nhất quán của Hội đồng. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

2.45 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ chức danh TGD thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành. Ủy ban bổ nhiệm nhân sự của ngân hàng sẽ đưa ra đề xuất cho Hội đồng quản trị về tất cả các trường hợp cần bổ nhiệm, tái bổ nhiệm và từ chức của hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (xem thêm vai trò và trách nhiệm của Ủy ban bổ nhiệm nhân sự).

2.46 Trong quá trình xử lý các đơn đề nghị, cần tiến hành đánh giá nghiêm ngặt nhằm đảm bảo rằng những người được đề xuất bổ nhiệm vào vị trí thành viên hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành là người “phù hợp và đủ điều kiện”. Yêu cầu này cũng được áp dụng đối với những trường hợp tái bổ nhiệm của hội đồng. Khi kết thúc nhiệm kỳ và nếu chưa có ý kiến chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc gia hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị hay Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành đó, thì thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành đó không được coi là thành viên HĐQT hay Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành theo quy định của luật pháp và vì vậy không được phép thực hiện vai trò của một thành viên Hội đồng quản trị hay Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của ngân hàng.

2.47 Ngân hàng không được đưa ra công bố nào về bất kỳ sự thay đổi dự định nào của vị trí Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị trước khi có được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với đề xuất thay đổi đó.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ BỔ NHIỆM

2.48 Điều khoản về bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành cần thiết lập phải đề cập đến vai trò và trách nhiệm, nhiệm kỳ và giới hạn tuổi tối đa. Điều khoản về bổ nhiệm cũng cần có quy định về việc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành, người mắc sai lầm, sao nhãng hoặc không hiệu quả trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mình.

TÁI BẦU CỬ

2.49 Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều phải tự đứng ra tái tranh cử tại các kỳ bầu cử chính thức.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC BỔ NHIỆM

Kế toán viên và luật sư hành nghề

2.50 Kế toán viên hành nghề có thể được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, với điều kiện họ không được thuê làm việc hoặc không phải là đối tác tại một doanh nghiệp kế toán có tham gia chỉ đạo công việc kiểm toán hoặc tư vấn cho ngân hàng. Luật sư hành nghề là đối tác của một doanh nghiệp luật có tên trong nhóm luật sư của ngân hàng (và không nhận lương trên cơ sở biên chế chính thức), thì có thể được bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị. Các luật sư phải công bố mối quan hệ của mình với ngân hàng để xử lý tất cả những mâu thuẫn về lợi ích có thể xảy ra.

Những người làm chính trị

2.51 Những cán bộ, công chức đang làm việc về chính trị thì không được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị để tránh những rủi ro những người làm chính trị gặp phải mâu thuẫn về quyền lợi giữa vai trò là thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng và nghĩa vụ của họ với người uỷ nhiệm. Một người sẽ được coi là có hoạt động chính trị nếu người đó là :

1. Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện);
2. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên làm việc trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
3. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào một ngạch công chức hoặc giao giữ một công vụ thường xuyên trong các cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
4. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào một ngạch viên chức hoặc giao giữ một nhiệm vụ thường xuyên trong đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;
5. Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân;
6. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp;
7. Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Bí thư, Phó bí thư Đảng uỷ; người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);
8. Những người được tuyển dụng, giao giữ một chức danh chuyên môn nghiệp vụ thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã.
9. Những người khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức nhà nước.

TUYÊN BỐ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KHÔNG ĐỦ TU CÁCH

2.52 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ chức danh TGD thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành

BỔ NHIỆM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

2.53 Phó Tổng Giám đốc/Phó giám đốc điều hành (hoặc các chức vụ tương đương khác tùy theo cách gọi) và những vị trí then chốt được Hội đồng quản trị giao phó những quyền hạn quan trọng. Vì vậy, bổ nhiệm một cá nhân đủ tiêu chuẩn để nắm giữ vị trí này là một điều tối quan trọng đối với ngân hàng. Ngân hàng quy định và tự chịu trách nhiệm về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bổ nhiệm kèm sơ yếu lý lịch của những người này. tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

1. Thỏa tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị qui định tại mục 2.06
2. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
3. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc
4. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, áp dụng các biện pháp kỷ luật hay đình chỉ các chức danh như Phó Tổng Giám đốc điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT và dựa trên các quy định nội bộ được ban hành bởi Hội đồng quản trị.

Nguyên tắc số 5: Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có năng lực, có uy tín và chính trực, có những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết, đồng thời có thể dành thời gian và tận tụy với công việc.

Nguyên tắc số 6: Hội đồng quản trị phải tổ chức họp định kỳ và phải được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.54 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị ngân hàng, có toàn quyền nhân danh ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, và bằng việc định kỳ tổ chức họp, hội đồng sẽ nắm được đầy đủ thông

tin từ cán bộ quản lý để giám sát tình hình tài chính và giúp Hội đồng quản trị đánh giá cũng như thảo luận những vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. Biên bản cuộc họp sẽ không được coi là một hình thức thay thế toàn bộ cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, vì chúng không tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị có cơ hội được chủ động bàn bạc các vấn đề cần được thông qua và trực tiếp đưa ra những câu hỏi hay nghị quyết, từ đó có thể dẫn đến việc đưa ra những quyết định bất hợp lý.

TẦN SUẤT HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ SỐ NGƯỜI THAM DỰ

2.55 Các cuộc họp hội đồng phải được tổ chức đầy đủ nhằm đảm bảo rằng:

1. Hội đồng luôn cập nhật được tình hình kinh doanh của ngân hàng; và
2. Hoạt động của ngân hàng không bị ảnh hưởng bất lợi do gặp khó khăn trong việc bảo đảm có được ý kiến phê chuẩn của Hội đồng đối với các chính sách và quyết định.

2.56 Tốt nhất các cuộc họp Hội đồng nên được tổ chức định kỳ hàng tháng, nhưng không được phép ít hơn mỗi quý (2 tháng) 1 lần. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải tích cực đóng góp vào chức năng của hội đồng và phân bổ thời gian và nỗ lực thích hợp để thực hiện nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả. Cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp của hội đồng tổ chức trong một năm tài chính. thành viên HĐQT có nghĩa vụ tham dự các cuộc họp HĐQT, nếu không tham dự thì có quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên chấp thuận. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự họp thông qua phương tiện ghi hình hoặc gọi điện thoại với điều kiện phải có sự chấp thuận của Chủ tịch hội đồng.

2.57 Số buổi họp hội đồng được tổ chức trong năm cũng như sự tham dự của mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải được trình bày trong báo cáo thường niên của ngân hàng.

2.58 Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

SỐ ĐẠI BIỂU TỐI THIỂU THEO QUY ĐỊNH

2.59 Để hình thành nên số đại biểu tối thiểu theo quy định cho một cuộc họp Hội đồng quản trị thì cần phải có từ $\frac{1}{4}$ tổng số thành viên trở lên dự họp.

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.60 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản.

1. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
 - j. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của ngân hàng.
 3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
 4. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

THÔNG BÁO VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.61 Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo đầy đủ và kịp thời trước khi diễn ra cuộc họp và trên cơ sở liên tục. Ngân hàng sẽ lập ra giới hạn chung về những thông tin mà Hội đồng quản trị phải được thông báo. Cán bộ quản lý có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời những thông tin hoàn chỉnh, trọng yếu và thích hợp cho Hội đồng quản trị.

2.62 Những thông tin cần cung cấp bao gồm thông tin cơ bản hoặc thông tin mang tính giải trình liên quan đến những vấn đề được trình bày trước hội đồng, tình hình tài chính, và những thông tin chính khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng mà Hội đồng quản trị cần biết hoặc cần được thông báo.

2.63 Ngoài ra, Hội đồng quản trị cần ban hành thủ tục để các thành viên Hội đồng quản trị (dù là với tư cách cá nhân hay một nhóm) tiếp cận với ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập, chi phí của việc này sẽ do ngân hàng thanh toán. Hội đồng quản trị có thể tiếp cận một cách riêng biệt và độc lập với các cán bộ lãnh đạo cấp cao và thư ký Hội đồng quản trị vào bất cứ lúc nào.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ngân hàng và của các đơn vị trong ngân hàng.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

2.64 Hội đồng quản trị thường xuyên đánh giá lại những thông tin mà hội đồng nhận được từ ban lãnh đạo và đánh giá cơ sở của những thông tin đó bằng cách đặt ra câu hỏi và yêu cầu trả lời về những quy trình đã sử dụng và về độ chính xác của những thông báo và báo cáo mà hội đồng nhận được.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.65 Vai trò của thư ký Hội đồng quản trị phải được quy định rõ và bao gồm cả trách nhiệm đảm bảo rằng các thủ tục của hội đồng được tuân theo, đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định có liên quan. Thư ký Hội đồng quản trị phải tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và ghi chép đầy đủ, chính xác tất cả những sự kiện được đánh giá tại cuộc họp đó.

Nguyên tắc số 7: Phải có sự đánh giá chính thức và liên tục về tính hiệu quả của Hội đồng nói chung và của các thành viên HĐQT cũng như của TGD/Giám đốc điều hành nói riêng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.66 Cần phải có quy định đánh giá thường xuyên đối với Hội đồng quản trị nói chung cũng như tình hình hoạt động của từng cá nhân thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành nói riêng để đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của những đối tượng này.

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.67 Trong quá trình đánh giá Hội đồng quản trị luôn luôn phải có những mục tiêu đặt ra và vai trò nhất định để dựa vào đó đánh giá kết quả hoạt động của hội đồng. Ngân hàng quy định rõ những chỉ số chính về kết quả, những chỉ số này có thể được lấy từ các kế hoạch và mục tiêu chiến lược, và sử dụng chúng để đánh giá kết quả hoạt động của hội đồng.

ĐÁNH GIÁ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.68 Thành viên Hội đồng quản trị được đánh giá theo vai trò và chức năng đã được quy định của Hội đồng quản trị, và so sánh với những kết quả đạt được của những người cùng cấp của thành viên đó. Như một phần trong quá trình hoàn thiện và ngoài quy trình đánh giá chính thức, luôn luôn phải có sự phản hồi liên tục về các đánh giá không chính thức. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể nói chuyện một cách riêng tư và thẳng thắn với từng thành viên hội đồng về những đóng góp và kết quả hoạt động của thành viên đó trên cơ sở liên tục.

ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

2.69 Hội đồng quản trị lập ra tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành. Tiêu chí được lập ra trong quá trình đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc/Giám

đốc điều hành bao gồm, trong số những tiêu chí khác, tình hình tài chính và kinh doanh của ngân hàng và mức độ hoàn thành chiến lược dài hạn, kế hoạch xây dựng năng lực và kinh doanh.

Nguyên tắc số 8: Có quy trình chính thức và minh bạch trong việc ấn định mức thù lao cho các thành viên của Hội đồng, TGD/Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý cấp cao, đồng thời các chính sách và quy định về lương bổng phải phù hợp với giá trị đạo đức, mục tiêu và văn hoá của ngân hàng.

2.70 Chính sách về lương bổng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành và các cán bộ lãnh đạo cấp cao được thực hiện trên cơ sở khách quan và minh bạch. Mức lương phải đủ để thu hút và giữ lại những thành viên Hội đồng quản trị có năng lực, nhưng đồng thời cũng phải được cân bằng để bảo đảm các quỹ của ngân hàng không được dùng để trợ cấp vượt quá mức lương trọn gói và không làm tổn hại đến khả năng phát triển liên tục, khả năng thanh toán và danh tiếng của ngân hàng.

2.71 Hội đồng quản trị có trách nhiệm triển khai một chính sách và khung pháp lý rõ ràng về mức lương của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cấp cao. Khi quy định mức lương và các khoản phụ cấp, uỷ ban cần xem xét những vấn đề sau:

1. Bảo đảm rằng chính sách về lương sẽ hỗ trợ cho các mục tiêu, văn hoá và chiến lược của ngân hàng;
2. Mức lương và tình hình việc làm của ngành ngân hàng;
3. Tình hình hoạt động tương đối của ngân hàng;
4. Các yếu tố liên quan đến tình hình hoạt động phải chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày Tuy nhiên, Thù lao phải nằm trong phạm vi chính sách kinh doanh nói chung và không chỉ đơn thuần dựa vào tình hình hoạt động ngắn hạn để tránh những rủi ro có thể xảy ra.
5. Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập cần phải tương xứng với mức độ đóng góp của thành viên đó, và có xét đến những yếu tố như nỗ lực và thời gian dành cho công việc cũng như tinh thần trách nhiệm của các thành viên. Ngoài ra, mức thù lao của mỗi thành viên Hội đồng quản trị có thể khác nhau dựa trên công việc phải thực hiện, trình độ chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm của họ; và
6. Có tính đến tất cả các yếu tố về lương như tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, phụ cấp, tiền thưởng, quyền chọn, trợ cấp bằng hiện vật và trợ cấp thôi việc.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ

2.72 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Trong trường hợp Điều lệ ngân hàng không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 4. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hằng năm đối với HĐQT, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát.

Nguyên tắc số 9: Những người được trao thẩm quyền ra quyết định (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị) cần phải chú ý tránh những tình huống có thể gây ra xung đột về lợi ích.

2.73 Các thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ và nhân viên phải thực hiện công việc của mình với mức độ giá trị đạo đức cao nhất. Xung đột về lợi ích đòi hỏi người liên quan đến xung đột đó phải có khả năng hành động một cách khách quan mang lại lợi ích tốt nhất cho ngân hàng.

2.74 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các thành viên Hội đồng quản trị phải công khai lợi ích kinh doanh khác của mình, tránh tham gia bất kỳ cuộc thảo luận hay quá trình đưa ra quyết định nào liên quan đến những vấn đề dẫn đến hoặc có thể dẫn đến xung đột về lợi ích.

2.75 Hội đồng quản trị xây dựng quy trình về xử lý xung đột lợi ích và phải đảm bảo rằng ban lãnh đạo cấp cao thực hiện các chính sách nhằm phát hiện, ngăn ngừa hoặc quản lý một cách thích đáng và công bố những xung đột lợi ích tiềm ẩn có thể xảy ra. Những chính sách này bảo đảm rằng các hoạt động có thể dẫn đến xung đột về lợi ích của ngân hàng được tiến hành độc lập với nhau. Chẳng hạn, có thể thực hiện điều này bằng cách bảo đảm phân công nhiệm vụ hợp lý sao cho các nhân viên không bị giao những nhiệm vụ có thể gây mâu thuẫn, bằng cách quy định tách biệt về giới hạn báo cáo và kiểm soát nội bộ, đồng thời lập ra những giới hạn về thông tin báo cáo giữa những hoạt động khác nhau. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, GD hoặc TGD phải công khai các lợi ích liên quan, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với ngân hàng, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có

liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại điểm a Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với ngân hàng trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại điểm a và điểm b Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ngân hàng.

2.76 Ngân hàng xây dựng một bộ quy tắc toàn diện trong việc duy trì các chuẩn mực đạo đức.

2.77 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của ngân hàng và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ ngân hàng. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc

Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Đại hội đồng cổ đông quyết định các hợp đồng giao dịch của ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
6. HĐQT được quyết định các hợp đồng giao dịch của ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn tự có của ngân hàng hoặc một tỷ lệ cụ thể khác nhỏ hơn do Điều lệ ngân hàng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

Nguyên tắc số 10: Có sự phân biệt rõ ràng giữa cổ đông và cán bộ quản lý nhằm làm cho chính sách điều hành doanh nghiệp hợp lý.

2.78 Các cổ đông không nên tham gia điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Họ cần phải giữ cho Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát ban lãnh đạo của ngân hàng và dựa vào ban lãnh đạo để điều hành hoạt động hàng ngày của tổ chức. Cần có sự tách biệt rõ ràng giữa cổ đông có quyền kiểm soát và chức năng quản lý, làm sao để những cổ đông này không nắm giữ bất kỳ một vị trí quản lý cấp cao nào trong ngân hàng. Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành chỉ có quyền và thẩm quyền do Hội đồng quản trị trao cho, do đó Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý cấp cao hoạt động trong phạm vi quyền hạn mà hội đồng giao cho và không thực hiện theo chỉ thị của bất kỳ cá nhân nào ngoài Hội đồng quản trị. Mục đích của việc này là nhằm bảo vệ ngân hàng khỏi những hành động không hợp lý hoặc những ảnh hưởng không đáng có của những cổ đông có quyền chi phối hoặc kiểm soát hay bất kỳ cá nhân nào khác.

Nguyên tắc số 11: Đưa ra yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm toán và kiểm toán viên, Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cần duy trì mối quan hệ chuyên nghiệp và khách quan.

2.79 Vai trò của các kiểm toán viên kiểm toán nội bộ, có năng lực và đủ tiêu chuẩn là điều rất quan trọng trong quá trình quản trị doanh nghiệp, bao gồm phát hiện những vấn đề với hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của ngân hàng, đồng thời đảm bảo rằng các báo cáo tài chính của ngân hàng phản ánh đúng tình hình tài chính và tình hình hoạt động của ngân hàng ở tất cả các khía cạnh quan trọng. Kiểm toán viên nội bộ cũng như kiểm toán viên độc lập là những nhân tố quan trọng đối với Hội đồng quản trị và công việc của họ được sử dụng như một đợt kiểm tra

độc lập đối với những thông tin nhận được từ cán bộ quản lý liên quan đến các nghiệp vụ và tình hình hoạt động của ngân hàng. Có thể nâng cao hiệu quả của Hội đồng quản trị bằng cách:

1. Ghi nhận tầm quan trọng của quy trình kiểm toán và phổ biến ý nghĩa quan trọng đó trong toàn ngân hàng;
2. Ban hành Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ của đơn vị mình, trong đó phải có quy định về mục tiêu, nhiệm vụ, vị thế, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ báo cáo, mối quan hệ với các bộ phận khác của tổ chức tín dụng, trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng Kiểm toán nội bộ; các nguyên tắc, yêu cầu cơ bản của kiểm toán nội bộ và của báo cáo kiểm toán nội bộ.
3. Áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường tính độc lập của kiểm toán.
4. Đảm bảo các kiểm toán viên hiểu được trách nhiệm đối với ngân hàng và các bên hữu quan khi tiến hành kiểm toán.
5. Tận dụng những phát hiện của các kiểm toán viên trên cơ sở kịp thời và có hiệu quả; và
6. Yêu cầu cán bộ quản lý kịp thời sửa chữa những vấn đề mà các kiểm toán viên đã phát hiện.

BAN KIỂM SOÁT

2.80 Hội đồng được yêu cầu thực hiện chức năng giám sát độc lập đối với hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, kiểm soát nội bộ của ngân hàng, đồng thời đảm bảo cơ chế kiểm soát và đối chiếu trong nội bộ của ngân hàng (Chi tiết về vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Giám sát được quy định tại Phụ lục số 1)

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

2.81 Chức năng kiểm toán nội bộ là một phần quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hiệu quả, bởi lẽ nó giúp đưa ra đánh giá độc lập đối với mức độ đầy đủ và tình hình tuân thủ những chính sách và quy trình được lập ra. Ngoài ra, kiểm toán viên nội bộ xem xét và đánh giá mức độ tin cậy, đầy đủ và hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Phạm vi kiểm toán nội bộ bao gồm cả kiểm toán về tình hình tài chính và kiểm toán hoạt động quản lý. Chính tính chất của vai trò kiểm toán nội bộ làm cho nhân sự trong kiểm toán nội bộ phải độc lập với hoạt động hàng ngày của ngân hàng, và được quyền tiếp cận bất cứ lúc nào đối với tất cả những hoạt động của ngân hàng. Việc có trách nhiệm trực tiếp với Ban kiểm soát giúp cho hoạt động điều hành doanh nghiệp dễ dàng hơn bằng cách cho phép kiểm toán viên nội bộ cung cấp cho ban giám sát những thông tin không thiên vị do ảnh hưởng của các giám đốc nghiệp vụ hoặc cán bộ quản lý cấp cao. Ý nghĩa quan trọng của chức năng kiểm toán nội bộ đối với quá trình quản trị doanh nghiệp yêu cầu ngân hàng phải có đủ nguồn nhân lực với đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và được đào tạo bài bản.

Phạm vi kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ và các đơn vị, bộ phận của tổ chức tín dụng.
2. Thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ.

3. Đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng.
4. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
5. Kiểm toán đặc biệt và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ

1. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán theo kế hoạch đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
2. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của tổ chức tín dụng (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức tín dụng.
3. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, kiến nghị xử lý những vi phạm, đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
4. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
5. Lập báo cáo kiểm toán, thông báo, đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài tổ chức tín dụng theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của tổ chức tín dụng và theo pháp luật.
6. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp Kiểm toán Nội bộ và phạm vi hoạt động của Kiểm toán Nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động Ngân hàng.
7. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác Kiểm toán Nội bộ.
8. Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
9. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán Nội bộ.
10. Tư vấn cho ban điều hành, Hội đồng quản trị của ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành, quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp giá vốn, hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán, thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.

Quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết.

2. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ.
4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.
5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
6. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
7. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ

1. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
 - a. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;
 - b. Có bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - c. Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
 - d. Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
 - e. Các tiêu chuẩn khác do ngân hàng quy định.
2. Ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nói trên, Trưởng Kiểm toán nội bộ và Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành ngân hàng, kinh tế, tài chính và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng tối thiểu là 03 (ba) năm.

2.82 Ngân hàng phải thực hiện theo quy định đối với Kiểm toán viên nội bộ do NHNN ban hành, trong đó có quy định về chuẩn mực tối thiểu đối với chức năng kiểm toán nội bộ. (quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng)

KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

2.83 Kiểm toán viên độc lập đóng vai trò quyết định trong cơ cấu quản trị doanh nghiệp. Ngoài việc hoàn thành nghĩa vụ pháp lý là đưa ra quan điểm công bằng và xác đáng về báo cáo tài chính, kiểm toán viên độc lập còn có thể đưa ra ý kiến tư vấn cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường vai trò giám sát của hội đồng.

2.84 Nhiệm vụ, trách nhiệm và nghĩa vụ của kiểm toán viên độc lập phải được nhấn mạnh trong các quy định của ngân hàng. Ngân hàng được quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của NHNN để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình theo quy định. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.85 **Kiểm toán độc lập** phải do kiểm toán viên độc lập chính thức thực hiện, quan hệ kinh doanh của những người này với ngân hàng không được làm tổn hại đến tính khách quan và độc lập của kiểm toán viên. Hàng năm, Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát phải đánh giá lại tính độc lập của các kiểm toán viên độc lập và bảo đảm rằng những công việc khác ngoài công việc kiểm toán không được mâu thuẫn với chức năng của kiểm toán viên độc lập. **Để đảm bảo tính độc lập của các kiểm toán viên, cần phải luân phiên thay đổi đối tác tham gia sau một thời kỳ nhất định theo qui định của NHNN Việt Nam.**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

Tiêu chuẩn, điều kiện đối với các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện lãnh đạo của doanh nghiệp kiểm toán tham gia kiểm toán tổ chức tín dụng

1. Có tên trong danh sách hành nghề kiểm toán được Bộ Tài chính xác nhận.
2. Kiểm toán viên hành nghề là người Việt Nam phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm kiểm toán sau ngày được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên.
3. Kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề kiểm toán tại Việt Nam.
4. Không phải là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông có quyền tham gia bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm toán.
5. Không phải là thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng được kiểm toán.
6. Không phải là khách hàng đang hưởng những điều kiện ưu đãi của tổ chức tín dụng được kiểm toán như cấp tín dụng, cấp bảo lãnh không có đảm bảo, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi.
7. Không có quan hệ họ hàng thân thuộc (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột) với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng được kiểm toán

2.86 Hội đồng quản trị đảm bảo phải kịp thời nhận được công văn quản lý từ kiểm toán viên độc lập và không có trường hợp trì hoãn không chính đáng. Ban Kiểm soát có thể được giao nhiệm vụ xem xét cụ thể công văn quản lý nói trên. Các biện pháp thích hợp được áp dụng để xử lý kiểm soát hoặc những yếu điểm khác được trình bày trong văn bản quản lý.

Nguyên tắc số 12: Ngân hàng cam kết giữ mối quan hệ thường xuyên, hiệu quả và công bằng với các cổ đông/người có quyền lợi.

2.87 Hội đồng quản trị phải duy trì một chính sách thông tin liên lạc hiệu quả nhằm giúp cho cả hội đồng và cán bộ quản lý liên lạc một cách hiệu quả với các cổ đông, những người có quyền lợi và công chúng, có thể theo hình thức công bố hoặc thông qua Đại hội cổ đông

2.88 Đại hội cổ đông là một cơ chế có ý nghĩa quan trọng trong việc liên lạc với cổ đông, vì nó cho phép hội đồng có quyền tiếp cận công khai, trực tiếp. Ngân hàng khích lệ cổ đông tham gia nhiều hơn vào cơ chế Đại hội cổ đông và cho phép các cổ đông có cơ hội truyền tải ý kiến của họ về nhiều vấn đề khác nhau liên quan đến ngân hàng. Chủ tịch hội đồng quản trị phải tham dự và

luôn sẵn sàng giải đáp thắc mắc tại các buổi họp đại hội cổ đông. Kiểm toán viên độc lập đồng thời phải có mặt để hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong việc giải quyết những thắc mắc liên quan của các cổ đông.

Nguyên tắc số 13: Ngân hàng thực hiện hoạt động điều hành doanh nghiệp một cách minh bạch nhằm củng cố tính hợp lý của chính sách điều hành doanh nghiệp.

YÊU CẦU VỀ TIẾT LỘ THÔNG TIN TOÀN DIỆN

2.89 Để đảm bảo nguyên tắc thị trường và hoạt động điều hành doanh nghiệp được đúng đắn, cần thực hiện chế độ công khai hợp lý để các cổ đông, những người có quyền lợi khác và những người tham gia thị trường nắm rõ được tình hình tài chính và quản lý của ngân hàng, đặc biệt là về tính an toàn và sự lành mạnh của ngân hàng. Ngân hàng cũng cần phải tuân theo những quy định cần thiết của NHNN. Thành phần tối thiểu trong việc công khai hoạt động điều hành doanh nghiệp gồm các nội dung sau:

1. Hội đồng quản trị nói chung

- a. Cơ cấu của Hội đồng quản trị (bao gồm tên, chức vụ và mức độ độc lập của các thành viên Hội đồng quản trị);
- b. Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị;
- c. Tần suất và thể thức họp Hội đồng quản trị;
- d. Tình hình tham dự của từng thành viên tại các buổi họp Hội đồng quản trị;
- e. Thông tin chính và lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị (như bằng cấp, kinh nghiệm, số cổ phần nắm giữ);
- f. Tiêu chí về kết quả hoạt động sử dụng để đánh giá mức độ hiệu quả của Hội đồng quản trị nói chung và đối với từng cá nhân thành viên Hội đồng quản trị nói riêng; và
- g. Các trường hợp từ chức của các thành viên trong năm.

2. Ủy ban quản lý rủi ro

- a. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban quản lý rủi ro;
- b. Phạm vi quyền hạn của Ủy ban quản lý rủi ro;
- c. Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro; và
- d. Số buổi họp của Ủy ban quản lý rủi ro trong năm. Ngân hàng nên công bố thông tin về số buổi họp mà từng thành viên của ủy ban tham dự.

3. Quản lý rủi ro

- a. Thảo luận về các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro của tổ chức cần có những nội dung sau:
 - i. Giải thích về bản chất của rủi ro và những hoạt động trong phạm vi ngân hàng có thể phát sinh rủi ro cũng như cấu trúc của những rủi ro phát sinh;

- ii. Miêu tả những phương pháp đã sử dụng để phát hiện, giám sát, quản lý và kiểm soát từng rủi ro nói riêng (ví dụ, tránh tập trung quá mức vào một rủi ro, yêu cầu có tài sản ký quỹ để giảm bớt rủi ro tín dụng, tự bảo hiểm rủi ro), các công cụ phái sinh có được sử dụng để quản lý rủi ro hay không và sử dụng như thế nào;
 - iii. Sự xuất hiện của bất kỳ rủi ro nào khác có thể gây ảnh hưởng lớn đến khả năng thực hiện mục tiêu doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh của ngân hàng; và
 - iv. Bản chất và tần suất thực hiện các đợt xem xét và đánh giá của hệ thống kiểm soát rủi ro của ngân hàng, bao gồm cả một báo cáo về việc công việc xem xét và đánh giá nói trên có phải do một bên độc lập với tổ chức tiến hành hay không, cũng như vạch ra những khuyến cáo quan trọng của đợt đánh giá.
- b. Cần thực hiện phân tích toàn diện về số liệu của năm trước để có thể đưa ra xu hướng trong thời gian tới đối với những rủi ro cần chú ý. Những thông tin mang tính định lượng và định tính phải có ý nghĩa và đầy đủ để giúp người dùng hiểu được tính chất và mức độ nghiêm trọng của những rủi ro này.

4. Công tác kiểm toán và kiểm soát nội bộ

- a. Đánh giá mức độ hiệu quả của các chính sách và quy trình kiểm soát nội bộ trọng yếu được thiết lập để quản lý hoạt động hàng ngày và những thay đổi về chính sách hay các quy trình này trong năm để đảm bảo chúng vẫn phù hợp;
- b. Công tác đánh giá bao gồm cấu trúc kiểm toán nội bộ được sử dụng để đưa ra đánh giá độc lập về mức độ phù hợp, và tuân thủ theo những chính sách và quy trình đã đề ra, cũng như các giới hạn báo cáo của phòng kiểm toán nội bộ, chức năng, vai trò và trách nhiệm của phòng kiểm toán nội bộ cũng như phạm vi và tính chất của công việc kiểm toán; và
- c. Công tác thảo luận cũng cần bao gồm cả những quy trình sử dụng để báo cáo những trường hợp thiếu sót hay vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, bất kỳ xu hướng tiềm ẩn nào phát hiện được ở những vấn đề kiểm soát và bất kỳ biện pháp phòng ngừa nào đã được thực hiện.

5. Báo cáo quản lý

- a. Hệ thống và quy trình được sử dụng để giúp các thành viên Hội đồng quản trị có thể nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của ngân hàng so với các kế hoạch đề ra, bao gồm cả những loại báo cáo nhận được và mức độ thường xuyên của báo cáo.

6. Không tuân thủ Bộ nguyên tắc

- a. Bất kỳ hành vi không tuân thủ nào đối với bộ Nguyên tắc này; và
- b. Giải trình và những biện pháp thay thế đã sử dụng để tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Nguyên tắc.

Nguyên tắc số 14: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với tính chính xác của những thông tin được tiết lộ và hoạt động quản lý rủi ro.

2.90 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng ngân hàng có sẵn các hệ thống để giám sát và kiểm soát đầy đủ những rủi ro chính của ngân hàng, và rằng ngân hàng có các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát nội bộ hiệu quả và phù hợp để đánh giá, xác định, kiểm soát, giám sát và báo cáo rủi ro. Trong báo cáo thường niên cần phải có một bản báo cáo tóm tắt về trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

1. Để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động ngân hàng, ngân hàng cần phải xây dựng và triển khai các quy trình, chính sách sau đây:
 - a. Quy trình quản lý hoạt động đầu tư, mua lại và kiểm soát các khoản đầu tư lớn;
 - b. Quy trình cấp tín dụng nhằm duy trì hệ thống quản trị tín dụng phù hợp;
 - c. Duy trì hệ thống thông tin hỗ trợ cho quy trình kiểm soát những khoản vay lớn;
 - d. Thiết lập và tuân thủ các chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro;
 - e. Chính sách đánh giá chất lượng tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
 - f. Chính sách và quy trình đầy đủ để nhận biết, giám sát và quản lý rủi ro quốc gia và rủi ro chuyển đổi trong hoạt động cho vay và đầu tư quốc tế (đối với những ngân hàng có hoạt động cho vay và đầu tư nước ngoài);
 - g. Hệ thống cho phép đo lường, giám sát và kiểm soát toàn diện rủi ro;
 - h. Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ
 - i. Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của ngân hàng.
 - j. Chính sách quản lý thanh khoản, trong đó trình bày rõ các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;
 - k. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của ngân hàng;
 - l. Chính sách và thủ tục phù hợp, bao gồm cả nguyên tắc “nhận biết khách hàng” để đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức và chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngăn ngừa việc ngân hàng bị sử dụng cho các mục đích tội phạm dù vô tình hay hữu ý;
 - m. Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp
2. Các quy trình, chính sách khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng và thông lệ quốc tế.

PHỤ LỤC SỐ 1: Thông tin chi tiết về các Ủy ban của Hội đồng quản trị

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu

1. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý cấp cao trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và các rủi ro khác, đồng thời bảo đảm quy trình quản lý rủi ro phải luôn sẵn sàng và thực hiện chức năng của mình.

Thành phần Ủy ban

2. Thành phần Ủy ban quản lý rủi ro chỉ bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, ít nhất phải có ba người. Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro phải là một thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành.

Vai trò và trách nhiệm

3. Ủy ban quản lý rủi ro có các trách nhiệm sau:

- Xem xét và đề xuất chiến lược, chính sách quản lý rủi ro và mức độ rủi ro có thể chấp nhận được để xin chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- Xem xét và đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của các chính sách và phạm vi quản lý rủi ro trong việc nhận biết, đánh giá, giám sát và kiểm soát rủi ro và phạm vi trong đó những hoạt động này có thể được thực hiện một cách hiệu quả để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Đảm bảo cơ sở hạ tầng, nguồn lực và hệ thống luôn sẵn sàng thực hiện chức năng quản lý rủi ro, cụ thể là đảm bảo rằng nhân viên có trách nhiệm thực thi chức năng quản lý rủi ro thực hiện nhiệm vụ của họ một cách độc lập đối với những hoạt động có thể mang lại rủi ro của tổ chức được phép; và
- Đánh giá các báo cáo định kỳ của cán bộ quản lý về tình hình rủi ro, cơ cấu danh mục rủi ro và các hoạt động quản lý rủi ro.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

4. Ủy ban phải thường xuyên tổ chức các buổi họp, ít nhất là mỗi quý một lần và thường xuyên báo cáo cho toàn thể Hội đồng quản trị.

ỦY BAN VỀ VẤN ĐỀ NHÂN SỰ

Mục tiêu

1. Cung cấp quy trình chính thức và minh bạch để phát triển các chính sách thù lao cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Quản lý cấp cao cũng như toàn thể nhân viên để giám sát việc bổ nhiệm, quản lý và kế hoạch kế thừa của Quản lý cấp cao.

Thành phần Ủy ban

2. Ủy ban chỉ bao gồm các thành viên không điều hành và thành viên độc lập. Ủy ban có 03 thành viên và Chủ tịch phải là thành viên độc lập hoặc thành viên không điều hành.

Vai trò và Trách nhiệm

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị chính sách khung về phụ cấp và các phúc lợi của các thành viên HĐQT tại vị trí là thành viên hội đồng quản trị và là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT.
- Xem xét và phê duyệt các chính sách/kế hoạch thực hiện công tác tiền lương - phúc lợi và các điều khoản hoạt động dành cho TGD, lãnh đạo cấp cao và toàn thể các cán bộ nhân viên.
- Phê duyệt những chính sách mới được xây dựng về tiền lương - chế độ phúc lợi và các điều khoản hoạt động dành cho TGD, lãnh đạo cấp cao và toàn thể các cán bộ nhân viên
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về chính sách, mô hình Quản lý hiệu quả thực hiện công việc trong đó bao gồm việc thiết lập các chỉ tiêu thích hợp và chuẩn mực với các hệ thống ngân hàng khác áp dụng phương pháp “Thẻ điểm cân bằng” (BSC) vào bắt đầu mỗi năm tài chính cho TGD và lãnh đạo cấp cao.
- Phê duyệt Chiến lược Đào tạo cho Ngân hàng, bao gồm các Chương trình Đào tạo dành cho thành viên HĐQT, TGD, lãnh đạo cấp cao và tất cả các cán-bộ nhân viên ở các chức năng công việc khác nhau.
- Phê duyệt Chính sách Phát triển Lãnh đạo cho Ngân hàng An Bình
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị Mô hình cơ cấu tổ chức toàn hàng cùng với hệ thống ngạch bậc của các chức danh tương ứng
- Phê duyệt các trường hợp tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, chấm dứt hợp đồng lao động của thành viên Ban Điều hành và các vị trí lãnh đạo chủ chốt.
- Phê duyệt việc lựa chọn Công ty Tư vấn bên ngoài liên quan đến các vấn đề nhân sự trong phạm vi kinh phí 10 tỷ đồng, và tham mưu cho HĐQT phê duyệt các dự án giá trị vượt quá số trên.
- Giám sát các công tác bổ nhiệm, quản lý, kế hoạch nhân sự kế thừa và đánh giá thực hiện công việc của Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao chủ chốt

- Tham mưu cho HĐQT hệ thống các chức danh toàn hàng (bao gồm chức danh chuyên môn và chức danh cấu trúc).

Những quy tắc trên phù hợp với quy tắc của Ngân hàng Thanh toán quốc tế, Basel (BIS), Luật và các văn bản pháp quy của Nhà nước Việt Nam. Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành có thể đối vị trí cho nhau khi sử dụng.